



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 1 tháng 3 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 1 tháng 3 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Phở	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Trị	Thành viên
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
Ông Đào Ngọc Phương	Thành viên
Bà Trần Tường Anh	Thành viên (từ ngày 22/4/2016)
Bà Đoàn Thị Xuân	Thành viên (đến ngày 21/4/2016)

Ban Kiểm soát

Ông Bùi Đình Thành	Trưởng ban
Ông Phan Hữu Phú	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Thành viên

Ban điều hành

Ông Nguyễn Đức Trị	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
Bà Trần Thị Hòa Châu	Giám đốc điều hành
Ông Phan Văn Phước	Giám đốc điều hành (từ ngày 2/1/2016)
Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành (từ ngày 2/1/2016)
Ông Nguyễn Văn Cường	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban điều hành



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-148-d



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 2594-2014-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.029.229.524.286	749.144.202.858
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	19.546.211.922	23.816.627.729
Tiền	111		19.546.211.922	21.424.995.247
Các khoản tương đương tiền	112		-	2.391.632.482
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37.822.032.865	4.432.812.500
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	37.822.032.865	4.432.812.500
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		394.248.539.621	253.235.488.825
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	346.176.100.042	219.420.917.009
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		45.837.143.277	27.366.441.763
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		718.800.000	522.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.590.887.272	6.949.968.165
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.074.390.970)	(1.023.838.112)
Hàng tồn kho	140	9	518.763.560.424	417.470.958.124
Hàng tồn kho	141		518.763.560.424	418.231.458.124
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(760.500.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		58.849.179.454	50.188.315.680
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	6.806.203.437	5.134.979.518
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		52.035.592.075	44.991.552.003
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	15(a)	7.383.942	61.784.159

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		568.628.421.633	525.019.214.028
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.608.800.000	1.468.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.608.800.000	1.468.000.000
Tài sản cố định	220		498.836.347.510	465.928.254.076
Tài sản cố định hữu hình	221	10	495.485.848.446	462.340.952.311
Nguyên giá	222		1.021.288.288.509	907.130.082.875
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(525.802.440.063)	(444.789.130.564)
Tài sản cố định vô hình	227	11	3.350.499.064	3.587.301.765
Nguyên giá	228		8.339.930.524	7.530.478.524
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.989.431.460)	(3.943.176.759)
Tài sản dở dang dài hạn	240		7.760.128.847	2.945.544.447
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	7.760.128.847	2.945.544.447
Đầu tư tài chính dài hạn	250		47.197.824.031	32.669.902.361
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	64.906.900.000	32.686.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	4.000.000.000	7.700.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	9.355.702.000	9.355.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	(31.069.777.969)	(17.077.699.639)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	5.000.000	5.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		13.225.321.245	22.007.513.144
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	13.225.321.245	22.007.513.144
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.597.857.945.919	1.274.163.416.886

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.288.384.630.064	985.480.216.489
Nợ ngắn hạn	310		959.237.770.943	744.535.569.499
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	200.119.199.524	167.422.868.096
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.993.730.055	7.740.961.040
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(b)	4.809.219.204	3.545.886.857
Phải trả người lao động	314		105.892.370.359	138.786.506.543
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16(a)	12.255.738.654	9.118.650.512
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	11.530.369.535	12.202.834.275
Vay ngắn hạn	320	18(a)	585.933.738.554	382.088.445.718
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	32.703.405.058	23.629.416.458
Nợ dài hạn	330		329.146.859.121	240.944.646.990
Phải trả người bán dài hạn	331	14	1.529.133.000	3.054.133.000
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		21.942.000.000	21.942.000.000
Chi phí phải trả dài hạn	333	16(b)	2.496.175.823	-
Vay dài hạn	338	18(b)	303.179.550.298	215.948.513.990
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		309.473.315.855	288.683.200.397
Vốn chủ sở hữu	410	20	309.473.315.855	288.683.200.397
Vốn cổ phần	411	21	165.375.000.000	157.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		165.375.000.000	157.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	71.004.131.623	59.999.326.634
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.094.184.232	71.183.873.763
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		52.904.960	38.832.076
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		73.041.279.272	71.145.041.687
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.597.857.945.919	1.274.163.416.886

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ

Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	3.205.469.979.864	2.984.727.002.764
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	591.036.676	3.141.755.291
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.204.878.943.188	2.981.585.247.473
Giá vốn hàng bán	11		2.914.342.795.469	2.672.068.848.493
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		290.536.147.719	309.516.398.980
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	22.429.741.551	23.355.366.809
Chi phí tài chính	22	27	55.966.782.503	64.753.896.735
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.287.863.766	21.307.593.611
Chi phí bán hàng	25	28	86.270.864.046	100.688.417.364
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	93.744.609.514	94.522.312.381
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		76.983.633.207	72.907.139.309
Thu nhập khác	31	30	2.088.448.928	6.952.182.850
Chi phí khác	32	31	2.045.912.526	3.585.006.443
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		42.536.402	3.367.176.407
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		77.026.169.609	76.274.315.716
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	3.984.890.337	5.129.274.029
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		73.041.279.272	71.145.041.687

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		77.026.169.609	76.274.315.716
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		92.830.632.898	73.978.772.271
Các khoản dự phòng	03		13.282.131.188	8.670.534.338
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		11.319.380.521	8.527.789.408
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.429.157.647)	(3.989.572.543)
Chi phí lãi vay	06		20.287.863.766	21.307.593.611
Các khoản điều chỉnh khác	07		(1.746.455.042)	(4.944.901.038)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		210.570.565.293	179.824.531.763
Biến động các khoản phải thu	09		(151.824.997.212)	45.528.295.856
Biến động hàng tồn kho	10		(103.029.344.880)	(14.430.913.489)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		3.568.719.678	55.594.944.381
Biến động chi phí trả trước	12		317.965.300	(848.810.602)
			(40.397.091.821)	265.668.047.909
Tiền lãi vay đã trả	14		(17.538.220.409)	(21.445.207.618)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.128.680.021)	(5.381.244.311)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		497.971.082	649.810.686
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.300.146.296)	(3.971.419.884)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(64.866.167.465)	235.519.986.782
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(128.275.985.830)	(178.824.022.726)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		952.447.273	1.331.477.092
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(34.365.220.365)	(2.037.812.500)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		638.400.000	864.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(21.020.000.000)	(15.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	1.777.381.871
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.839.324.463	2.981.317.769
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(180.231.034.459)	(189.407.658.494)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		7.875.000.000	7.500.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		2.700.430.840.746	2.281.670.341.466
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.420.869.308.373)	(2.324.099.750.647)
Tiền trả cổ tức	36		(47.053.215.000)	(30.264.847.383)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		240.383.317.373	(65.194.256.564)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(4.713.884.551)	(19.081.928.276)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	23.816.627.729	42.884.483.121
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		443.468.744	14.072.884
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	19.546.211.922	23.816.627.729

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởngNguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Thành phố Biên Hòa - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-002 ngày 29 tháng 1 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-013 ngày 1 tháng 9 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Bạc Liêu - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-015 ngày 7 tháng 11 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Cần Thơ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cần Thơ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-016 ngày 15 tháng 11 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tỉnh Nghệ An – Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-017 ngày 19 tháng 12 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 7 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2016: 6 công ty con và 2 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 8.836 nhân viên (1/1/2016: 7.471 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Chi phí đào tạo

Chi phí đào tạo được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	20.359.500	23.863.500
Tiền gửi ngân hàng	19.525.852.422	21.401.131.747
Các khoản tương đương tiền	-	2.391.632.482
	<hr/> 19.546.211.922	<hr/> 23.816.627.729 <hr/>

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	37.822.032.865	37.822.032.865	4.432.812.500	4.432.812.500
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 6% đến 7,2% một năm (2015: 5,2% đến 6,75% một năm).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		31/12/2016			1/1/2016		
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư góp vốn vào:							
Công ty con							
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	(2.667.900.000)	2.667.900.000 (2.667.900.000)
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	54,00%	6.428.000.000	-	6.428.000.000 -
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(2.734.047.918)	5.418.000.000 (84.914.979)
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	8.173.000.000 -
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	2.652.000	51,00%	51,00%	26.520.000.000	(1.667.830.051)	26.520.000.000 -
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	-	2.000.000.000 -
Công ty Cổ phần May Hiệp Đức (*)	Quảng Nam	1.370.000	68,50%	68,50%	13.700.000.000	(13.700.000.000)	13.700.000.000 -
					64.906.900.000 (20.769.777.969)		32.686.900.000 (2.752.814.979)
Công ty liên kết							
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)	4.000.000.000 (4.000.000.000)
Công ty Cổ phần May Hiệp Đức (*)	Quảng Nam	-	-	-	-	-	3.700.000.000 (3.539.755.187)
					4.000.000.000 (4.000.000.000)		7.700.000.000 (7.539.755.187)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2016					1/1/2016					
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đơn vị khác											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	-	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt May Phú Hòa An	Thừa Thiên Huế	160.000	8,00%	8,00%	1.600.000.000	-	160.000	8,00%	8,00%	1.600.000.000	(485.129.473)
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt - May TP. Hồ	TP. Hồ Chí										
Chí Minh	Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					9.355.702.000	(6.300.000.000)				9.355.702.000	(6.785.129.473)
					78.262.602.000	(31.069.777.969)				49.742.602.000	(17.077.699.639)

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn tất thủ tục góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần May Hiệp Đức, nâng tỷ lệ sở hữu từ 37% lên 68,5%. Do đó, Công ty Cổ phần May Hiệp Đức trở thành công ty con của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Motives (Far East) Limited	76.923.942.212	72.384.107.706
Destination XL Group Inc.	34.381.065.180	16.237.124.625
Supreme International Inc.	33.241.719.128	15.570.202.788
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	11.986.944.170	22.025.410.219
Aurora Investment Global Inc	12.991.257.536	15.642.169.827
Hultafors Group AB	14.987.740.227	6.136.864.791
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	29.662.699.545	-
Haggal Clothing Co.	28.222.499.338	-
Các khách hàng khác	103.778.232.706	71.425.037.053
	346.176.100.042	219.420.917.009

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 133.000 triệu VND (1/1/2016: 139.646 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(a)).

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	1.272.218.668	3.707.485.375
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	29.662.699.545	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	-	278.900.000
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	-	206.610.470
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	-	87.634.800
Công ty Cổ phần May Hiệp Đức	18.591.023	309.939.190
Các công ty liên quan khác	615.211.786	507.172.655
	31.568.721.022	5.097.742.490

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước cho nhân viên	22.220.934	2.011.318.268
Tạm ứng	1.211.151.177	1.475.809.872
Phải thu thuế nhập khẩu tạm nộp	41.569.160	1.895.221.076
Phải thu khác	1.315.946.001	1.567.618.949
	<hr/>	<hr/>
	2.590.887.272	6.949.968.165

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2016			Thời gian quá hạn	1/1/2016		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Thương mại	6 tháng đến							
Dịch vụ Song Hoàng	1 năm	168.509.526	(50.552.858)	117.956.668				
Công ty TNHH Thanh Thu	Trên 3 năm	428.360.000	(299.852.000)	128.508.000	-	428.360.000	(299.852.000)	128.508.000
Công ty Cổ phần Đầu tư								
Phong Phú Sơn Trà	Trên 3 năm	464.924.753	(464.924.753)	-	Trên 3 năm	464.924.753	(464.924.753)	-
Công ty TNHH Dệt may								
Hoàng Anh	Trên 3 năm	96.888.118	(96.888.118)	-	Trên 3 năm	96.888.118	(96.888.118)	-
Khác	Trên 3 năm	162.173.241	(162.173.241)	-	Trên 3 năm	162.173.241	(162.173.241)	-
		1.320.855.638	(1.074.390.970)	246.464.668		1.152.346.112	(1.023.838.112)	128.508.000
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(1.074.390.970)				(1.023.838.112)	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	74.821.368.723	-	52.349.634.767	-
Nguyên vật liệu	151.767.432.183	-	101.761.668.573	-
Công cụ và dụng cụ	124.010.673	-	289.058.393	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	206.141.044.893	-	170.331.742.732	-
Thành phẩm	65.904.306.710	-	67.000.827.456	(730.053.436)
Hàng hóa	768.909.285	-	2.583.901.006	(30.446.564)
Hàng gửi đi bán	19.236.487.957	-	23.914.625.197	-
	518.763.560.424	-	418.231.458.124	(760.500.000)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 213.881 triệu VND (1/1/2016: 388.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(a)).



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	200.989.060.171	612.512.143.709	27.545.516.656	6.347.249.304	59.736.113.035	907.130.082.875
Tăng trong năm	915.660.837	41.452.388.394	796.486.700	2.004.827.505	2.317.992.875	47.487.356.311
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	32.731.599.555	25.060.352.902	4.443.539.039	-	8.615.668.552	70.851.160.048
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	11.598.018.800	-	-	-	11.598.018.800
Giảm do chia tách một đơn vị phụ thuộc thành công ty con	(521.528.670)	(498.590.000)	-	-	-	(1.020.118.670)
Thanh lý	(4.892.118.924)	(6.940.920.777)	(193.127.150)	(1.885.802.170)	(846.241.834)	(14.758.210.855)
Số dư cuối năm	229.222.672.969	683.183.393.028	32.592.415.245	6.466.274.639	69.823.532.628	1.021.288.288.509
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	61.164.772.617	337.106.438.830	17.818.328.205	4.738.803.976	23.960.786.936	444.789.130.564
Khấu hao trong năm	14.413.621.131	64.244.186.534	3.157.844.965	755.867.332	9.203.251.110	91.774.771.072
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	3.942.980.985	-	-	-	3.942.980.985
Giảm do chia tách một đơn vị phụ thuộc thành công ty con	(80.599.085)	(41.549.160)	-	-	-	(122.148.245)
Thanh lý	(3.515.218.953)	(6.934.672.111)	(193.127.150)	(1.885.802.170)	(515.204.257)	(13.044.024.641)
Điều chỉnh khác (*)	-	(1.538.269.672)	-	-	-	(1.538.269.672)
Số dư cuối năm	71.982.575.710	396.779.115.406	20.783.046.020	3.608.869.138	32.648.833.789	525.802.440.063
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	139.824.287.554	275.405.704.879	9.727.188.451	1.608.445.328	35.775.326.099	462.340.952.311
Số dư cuối năm	157.240.097.259	286.404.277.622	11.809.369.225	2.857.405.501	37.174.698.839	495.485.848.446

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Tổng Công ty đã điều chuyển một số công cụ và dụng cụ từ chi phí trả trước dài hạn sang tài sản cố định hữu hình và tăng thời gian khấu hao cho những tài sản này. Do đó, Tổng Công ty đã tính lại khấu hao từ đầu và điều chỉnh giảm khấu hao trong năm (Thuyết minh 13(b))

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 165.699 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 156.321 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 495.486 triệu VND (1/1/2016: 462.341 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a)) và dài hạn (Thuyết minh 18(b)) của Tổng Công ty.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	7.530.478.524
Tăng trong năm	865.207.000
Thanh lý	(55.755.000)
	8.339.930.524
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	3.943.176.759
Khấu hao trong năm	1.055.861.826
Thanh lý	(9.607.125)
	4.989.431.460
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	3.587.301.765
Số dư cuối năm	3.350.499.064

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 3.485 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 2.987 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	2.945.544.447	3.941.942.961
Tăng trong năm	76.616.419.448	160.374.197.422
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(70.851.160.048)	(151.579.487.797)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(950.675.000)	(9.791.108.139)
	<hr/>	
Số dư cuối năm	7.760.128.847	2.945.544.447
	<hr/>	

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Mở rộng Nhà máy May Hòa Thọ 1 – giai đoạn 2	5.669.589.559	610.861.637
Mở rộng Nhà máy May Đông Hà	1.008.904.547	2.248.630.984
Khác	1.081.634.741	86.051.826
	<hr/>	
	7.760.128.847	2.945.544.447
	<hr/>	

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trả trước phí bảo hiểm	621.783.282	302.470.897
Công cụ và dụng cụ	2.615.960.438	2.759.912.636
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	743.924.546	560.017.951
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.824.535.171	1.512.578.034
	<hr/>	
	6.806.203.437	5.134.979.518
	<hr/>	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đào tạo VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	20.219.101.080	163.626.254	1.624.785.810	22.007.513.144
Tăng trong năm	6.140.992.320	-	2.846.342.839	8.987.335.159
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	950.675.000	-	-	950.675.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10 (*))	(7.655.037.815)	-	-	(7.655.037.815)
Giảm do chia tách một đơn vị phụ thuộc thành công ty con	(68.839.008)	-	-	(68.839.008)
Thanh lý	(10.811.592)	-	-	(10.811.592)
Phân bổ trong năm	(9.241.371.850)	(163.626.254)	(1.580.515.539)	(10.985.513.643)
Số dư cuối năm	10.334.708.135	-	2.890.613.110	13.225.321.245

14. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Hultafors Group AB	9.406.862.612	24.036.163.668
Kufner Hongkong Limited	7.131.814.011	9.542.122.310
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	7.081.930.651	12.057.880.863
Ban Quản lý Cơ sở Hạ tầng Tỉnh Quảng Trị	3.054.133.000	4.579.133.000
Motives (Far East) Limited	2.455.477.607	9.574.682.825
Devcot S.A	11.802.053.051	-
Joyful OutDoors Limited	9.592.180.180	-
Toyobo Apparel Systems Limited	9.484.071.654	-
Sport Field Limited	9.430.487.392	-
The Kingtex Group	2.466.047.907	-
Cargill Cotton Limited	-	6.473.251.964
Các nhà cung cấp khác	129.743.274.459	104.213.766.466
	201.648.332.524	170.477.001.096

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	Giá gốc và số có khả năng trả nợ
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	200.119.199.524	167.422.868.096
Dài hạn	1.529.133.000	3.054.133.000
	<hr/>	<hr/>
	201.648.332.524	170.477.001.096
	<hr/>	<hr/>

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	Giá gốc và số có khả năng trả nợ
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	7.081.930.651	12.057.880.863
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	18.489.484	31.096.062
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	137.896.431	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú	1.827.114.939	890.407.442
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ Phần	148.992.087	1.376.675.309
Công ty Cổ phần Bao Bì Hòa Thọ Quảng Đà	1.334.214.058	1.961.541.154
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	-	474.198.932
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	-	648.420.366
	<hr/>	<hr/>
	10.548.637.650	17.440.220.128
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế nhập khẩu	2.564.195	-	(2.564.195)	-
Thuế thu nhập cá nhân	49.012.280	-	(49.012.280)	-
Các loại thuế khác	10.207.684	-	(2.823.742)	7.383.942
	61.784.159	-	(54.400.217)	7.383.942

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.197.106.450	69.435.939.878	(69.070.737.445)	2.562.308.883
Thuế nhập khẩu	-	8.294.788.634	(8.294.788.634)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.348.780.407	3.984.890.337	(3.128.680.021)	2.204.990.723
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.460.600.069	(1.418.680.471)	41.919.598
Tiền thuê đất	-	3.160.237.829	(3.160.237.829)	-
Các loại thuế khác	-	436.086.084	(436.086.084)	-
	3.545.886.857	86.772.542.831	(85.509.210.484)	4.809.219.204

16. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả - ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí hoạt động	10.979.981.808	8.270.151.703
Chi phí lãi vay	993.948.626	455.253.162
Các khoản trích trước khác	281.808.220	393.245.647
	12.255.738.654	9.118.650.512

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí phải trả - dài hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.210.947.893	-
Chi phí khác	285.227.930	-
	<hr/> 2.496.175.823	<hr/> -

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	6.202.609.102	4.893.980.750
Bảo hiểm xã hội	509.738.111	1.458.566
Bảo hiểm y tế	75.311.350	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	77.918.118	41.613.000
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	1.004.322.605	4.672.021.554
Cổ tức phải trả	550.860.697	354.075.697
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	797.485.878	806.485.878
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.312.123.674	1.433.198.830
	<hr/> 11.530.369.535	<hr/> 12.202.834.275

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016	Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	323.783.694.126	2.463.668.639.246	(2.239.490.077.151)	6.062.091.304	554.024.347.525
Vay dài hạn đến hạn trả	58.304.751.592	31.909.391.029	(58.304.751.592)	-	31.909.391.029
	382.088.445.718	2.495.578.030.275	(2.297.794.828.743)	6.062.091.304	585.933.738.554

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay ngân hàng 1 (ii)	USD	1,2%	133.298.746.867	68.973.312.499
Vay ngân hàng 2 (ii)	USD	1,3%	133.034.316.314	64.757.770.302
Vay ngân hàng 3 (ii)	USD	1,3%	113.203.983.906	47.299.070.820
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	1,2% - 1,8%	19.857.438.366	36.988.157.420
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	1,5% - 2,0%	30.492.987.424	19.732.663.024
Vay ngân hàng 6 (i)	USD	1,3%	81.649.521.559	16.679.548.566
Vay ngân hàng 7 (i)	USD	1,6%	24.542.924.237	11.382.179.448
Vay ngân hàng 8 (ii)	VND	10%	157.360.000	100.000.000
Vay ngân hàng 9 (i)	VND	4,4%	17.787.068.852	-
Vay ngân hàng 10	USD	1,5%	-	5.531.334.757
Vay ngân hàng 11	USD	1,3% - 1,6%	-	9.527.919.809
Vay ngân hàng 12	VND	6,0%	-	36.317.988.504
Vay ngân hàng 13	VND	4,5%	-	3.500.000.000
Vay ngân hàng 14	VND	4%	-	2.993.748.977
			554.024.347.525	323.783.694.126

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 6), hàng tồn kho (Thuyết minh 9) và tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).
(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	335.088.941.327	274.253.265.582
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(31.909.391.029)	(58.304.751.592)
	<hr/>	
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	303.179.550.298	215.948.513.990
	<hr/>	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	4,5%	2021	64.251.359.338	72.088.692.522
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	4,0%	2018	-	5.136.547.944
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	4,0%	2020	2.993.753.789	3.748.843.126
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	4,0%	2018	1.283.483.156	1.691.795.371
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	4,0%	2021	3.916.185.142	-
Vay ngân hàng 6 (i)	USD	4,0%	2021	17.510.647.011	19.783.990.413
Vay ngân hàng 7 (i)	USD	5,0%	2021	5.579.879.698	6.742.413.378
Vay ngân hàng 8 (i)	USD	3,6%	2021	6.280.870.747	-
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	3,0%	2017	3.191.860.000	6.310.920.000
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	22.799.000.000	-
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (iii)	USD	LIBOR + 0,7%	2035	207.281.902.446	-
Vay ngân hàng 9	USD	6,0%	2018	-	23.057.712.546
Vay ngân hàng 10	USD	5,2%	2016	-	484.791.351
Vay ngân hàng 11	USD	5,5%	2018	-	15.306.828.577
Vay ngân hàng 12	USD	5,5%	2020	-	13.436.827.701
Vay ngân hàng 13	USD	5,0%	2017	-	288.846.751
Vay ngân hàng 14	USD	5,5%	2016	-	122.274.075
Vay ngân hàng 15	USD	4,5%	2021	-	44.675.540.010
Vay ngân hàng 16	VND	8,5%	2021	-	887.140.000
Vay ngân hàng 17	USD	5,2%	2016	-	1.409.975.829
Vay ngân hàng 18	VND	6,0%	2019	-	5.146.340.000
Vay ngân hàng 19	VND	9,2%	2019	-	5.026.160.000
Vay ngân hàng 20	VND	10,6%	2016	-	1.299.990.000
Vay ngân hàng 21	VND	8,4%	2019	-	47.607.635.988
				335.088.941.327	274.253.265.582

(i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).

(ii) Khoản vay này từ bên thứ ba và không được đảm bảo.

(ii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	23.629.416.458	7.021.989.234
Trích lập trong năm	12.876.163.814	19.929.036.422
Tăng khác	497.971.082	649.810.686
Sử dụng trong năm	(4.300.146.296)	(3.971.419.884)
Số dư cuối năm	32.703.405.058	23.629.416.458

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	150.000.000.000	50.718.782.765	59.248.412.367	259.967.195.132
Phát hành cổ phiếu	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	71.145.041.687	71.145.041.687
Phân bổ vào các quỹ	-	9.280.543.869	(9.280.543.869)	-
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(19.929.036.422)	(19.929.036.422)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	157.500.000.000	59.999.326.634	71.183.873.763	288.683.200.397
Phát hành cổ phiếu (*)	7.875.000.000	-	-	7.875.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	73.041.279.272	73.041.279.272
Phân bổ vào các quỹ	-	11.004.804.989	(11.004.804.989)	-
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(47.250.000.000)	(47.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(12.876.163.814)	(12.876.163.814)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	165.375.000.000	71.004.131.623	73.094.184.232	309.473.315.855

(*) Ngày 29 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty phát hành thêm 787.500 cổ phiếu cho cán bộ nhân viên với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 157.500 triệu VND lên 165.375 triệu VND. Các cổ phiếu này bị hạn chế quyền chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày hoàn tất thủ tục phát hành.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	16.537.500	165.375.000.000	15.750.000	157.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	16.537.500	165.375.000.000	15.750.000	157.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	16.537.500	165.375.000.000	15.750.000	157.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	15.750.000	157.500.000.000	15.000.000	150.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	787.500	7.875.000.000	750.000	7.500.000.000
Số dư cuối năm	16.537.500	165.375.000.000	15.750.000	157.500.000.000

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 47.250 triệu VND cho năm 2015, tương đương 30% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (2015: 30.000 triệu VND cho năm 2014 tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014).

Ngày 12 tháng 12 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT về việc dự kiến tỷ lệ chia cổ tức năm 2016 cho các cổ đông là 25% vốn điều lệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vật tư hàng hóa nhận gia công	139.477.888.472	45.335.207.630

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	187.092	4.249.746.528	280.882	6.307.078.991
EUR	269	6.399.576	1.781	43.562.201
		<hr/> 4.256.146.104 <hr/>		<hr/> 6.350.641.192 <hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	6.800.000.000	83.405.408.000

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.205.469.979.864	2.984.727.002.764
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(591.036.676)	(3.141.755.291)
Doanh thu thuần	<hr/> 3.204.878.943.188 <hr/>	<hr/> 2.981.585.247.473 <hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	1.629.324.463	1.669.717.769
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	427.381.871
Cổ tức được chia	1.607.720.000	1.311.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.971.516.613	19.928.476.340
Chiết khấu thanh toán	221.180.475	18.190.829
	22.429.741.551	23.355.366.809

27. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	20.287.863.766	21.307.593.611
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.367.459.886	26.553.036.918
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.319.380.521	8.527.789.408
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	13.992.078.330	8.365.476.798
	55.966.782.503	64.753.896.735

28. Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	5.115.006.212	4.077.767.483
Chi phí vật liệu, bao bì	851.263.277	768.231.309
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.882.968.033	4.451.175.465
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.010.148.935	81.253.744.590
Chi phí khác	13.411.477.589	10.137.498.517
	86.270.864.046	100.688.417.364

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	46.919.264.896	52.159.811.206
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.534.246.355	2.994.723.394
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.935.533.037	3.751.176.642
Thuế, phí và lệ phí	2.605.257.737	2.074.195.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.290.760.939	14.171.911.913
Chi phí khác	18.459.546.550	19.370.494.113
	<hr/> 93.744.609.514 <hr/>	<hr/> 94.522.312.381 <hr/>

30. Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	580.872.903
Giảm công nợ đối với nhà cung cấp	208.185.370	4.944.901.038
Các khoản thu nhập khác	1.880.263.558	1.426.408.909
	<hr/> 2.088.448.928 <hr/>	<hr/> 6.952.182.850 <hr/>

31. Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	807.886.816	-
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	571.233.078	1.739.928.201
Các khoản chi phí khác	666.792.632	1.845.078.242
	<hr/> 2.045.912.526 <hr/>	<hr/> 3.585.006.443 <hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.865.829.318.223	1.698.696.028.126
Chi phí nhân viên	612.784.602.266	574.447.581.508
Chi phí khấu hao và phân bổ	92.830.632.898	73.978.772.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	549.120.458.368	553.168.658.435

33. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	3.984.640.246	5.030.363.239
Dự phòng thiếu trong những năm trước	250.091	98.910.790
	3.984.890.337	5.129.274.029

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	77.026.169.609	76.274.315.716
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	7.702.616.961	7.627.431.572
Ưu đãi thuế	(3.690.038.275)	(3.602.812.509)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	260.385.903	915.291.789
Chi phí không được khấu trừ thuế	163.020.063	109.163.385
Thu nhập không bị tính thuế	(160.772.000)	(131.160.000)
Giảm thuế	(226.169.835)	(288.895.600)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(64.402.571)	401.344.602
Dự phòng thiếu trong những năm trước	250.091	98.910.790
	3.984.890.337	5.129.274.029

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 – 2021) và 20% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% từ năm 2016 (2015: 22%).

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2016 VND	2015 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Cổ tức công bố và đã trả	32.227.446.000	21.484.964.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	488.782.995	1.569.394.471
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.294.488.276	4.019.534.493
Vay	203.306.348.643	-
Chi phí lãi vay	3.074.279.966	-
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.461.260.056	4.452.079.362
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.057.822.998	1.509.331.592
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam		
Mua hàng hóa và dịch vụ	114.318.770.870	118.820.091.782
Cổ tức nhận được	642.800.000	1.285.600.000
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An		
Bán hàng hóa và dịch vụ	538.444.316	200.486.791
Mua hàng hóa và dịch vụ	53.331.035.249	42.970.317.736
Cổ tức nhận được	487.620.000	-
Góp vốn	-	1.354.500.000
Công ty Cổ phần may Hòa Thọ - Duy Xuyên		
Bán hàng hóa và dịch vụ	656.992.311	262.569.509
Mua hàng hóa và dịch vụ	52.642.524.481	50.866.484.159
Góp vốn	5.500.000.000	-
Cổ tức nhận được	267.300.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình		
Bán hàng hóa và dịch vụ	39.362.050.475	-
Góp vốn	11.020.000.000	15.500.000.000
Công ty Cổ phần May Hiệp Đức		
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.369.575.109	17.139.652.934
Góp vốn	10.000.000.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	2016 VND	2015 VND
Các công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	36.628.694.928	37.268.322.827
Các công ty liên quan khác		
<i>Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	40.049.455	621.508.713
Mua hàng hóa và dịch vụ	60.613.132	3.947.872.807
<i>Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.472.085.108
<i>Công ty TNHH Coats Phong Phú</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.120.584.318	16.807.835.906
<i>Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.990.310.484	8.676.800.390
<i>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.022.368.988	87.500.000
<i>Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	13.818.448.173	12.745.942.835
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	7.652.015.788	7.111.556.871

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2016 VND	2015 VND
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	4.057.584.345	7.364.587.416
Góp vốn vào công ty con thông qua bù trừ công nợ	5.500.000.000	1.354.500.000
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.397.720.000	-
Tăng các khoản phải thu ngắn hạn do chia tách một đơn vị phụ thuộc thành công ty con	1.008.485.314	
Giảm hàng tồn kho do chia tách một đơn vị phụ thuộc thành công ty con	2.497.242.580	-
Giảm tài sản cố định và chi phí trả trước do chia tách một đơn vị phụ thuộc thành công ty con	986.610.290	-
Tăng đầu tư vào công ty con do chia tách một đơn vị phụ thuộc thành công ty con	2.000.000.000	
Giảm các khoản phải trả ngắn hạn do chia tách một đơn vị phụ thuộc thành công ty con	475.367.556	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

36. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Phát hành cổ phiếu ra công chúng

Ngày 19 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đưa ra thông báo phát hành cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu với số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán là 5.962.500 cổ phiếu và mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Việc chào bán cổ phiếu được thực hiện từ ngày 12 tháng 1 năm 2017 đến ngày 13 tháng 2 năm 2017.

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Người lập:		Người duyệt:
		
Đặng Thị Oanh Nữ Chuyên viên	Nguyễn Văn Cường Kế toán trưởng	Nguyễn Đức Trí Tổng Giám đốc

